

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2011 - 2015

I - ĐẶT VẤN ĐỀ:

Công nghệ thông tin (CNTT) đã, đang và tiếp tục được ứng dụng rộng rãi, mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế - xã hội, góp phần to lớn thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đồng thời làm thay đổi cơ bản cách thức quản lý, học tập, làm việc của con người. Rất nhiều nước đã coi sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT & TT) là hướng ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Thế giới, dưới những tác động mạnh mẽ của CNTT & TT đã vượt qua những trở ngại về thời gian và không gian, tạo ra môi trường thuận lợi cho hội nhập toàn cầu, tiến tới xã hội thông tin với nền kinh tế tri thức, trong đó CNTT & TT có một vai trò quyết định.

Sự phát triển CNTT có hai tác động cơ bản. Thứ nhất là tác động đến việc ra đời thêm ngành công nghiệp công nghệ cao: Công nghiệp Công nghệ thông tin (Công nghiệp phần cứng, Công nghiệp phần mềm và Công nghiệp nội dung số). Chúng tạo nên sự tăng trưởng đáng kể nền kinh tế và tạo những yếu tố tiền đề cho sự phát triển kinh tế tri thức. Thứ hai, CNTT có tác động tạo tiền đề cho việc nâng cao năng suất, hiệu quả, thúc đẩy hội nhập của quá trình kinh doanh, quản lý điều hành, tác động một cách gián tiếp lên sự tăng trưởng kinh tế.

Nhận thức được tầm quan trọng của CNTT, trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã chỉ đạo sâu sát, đầu tư đáng kể cho việc ứng dụng và phát triển CNTT trong phát triển kinh tế xã hội. Việc ứng dụng CNTT của Quảng Trị trong thời gian qua đã nhận được sự quan tâm của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh và của các sở, ban, ngành nên đã có những bước tiến vượt bậc, đóng góp quan trọng trong cải cách hành chính, trong lãnh đạo, điều hành hoạt động của các cấp, các ngành và doanh nghiệp.

Tuy nhiên, việc ứng dụng và phát triển CNTT hiện nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa khẳng định được vị trí mũi nhọn, phương tiện “đi tắt đón đầu” phục vụ đắc lực cho công cuộc đổi mới và phát triển, thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh. Có nhiều nguyên nhân, nhưng một nguyên nhân quan trọng là chưa tập trung được thông tin thành nguồn lực phát triển KTXH, hay nói cách khác là chưa có kế hoạch CNTT để định hướng và tập trung chỉ đạo, lãnh đạo và đầu tư phát triển lĩnh vực này một cách hiệu quả (*hoặc đã có kế hoạch nhưng kế hoạch đó triển khai không hiệu quả*).

Thực hiện hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (TTTT), UBND tỉnh Quảng Trị xây dựng Kế hoạch Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011 - 2015.

II - CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH:

- Luật Công nghệ Thông tin ngày 29/6/2006;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Chỉ thị số 58/CT-TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về “Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”;
- Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 06/10/2005 phê duyệt Chiến lược phát triển CNTT-TT Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;
- Nghị quyết 08/NQ ngày 17/10/2007 Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị (khóa XIV) về phát triển Công nghệ thông tin và Bưu chính Viễn thông tỉnh Quảng Trị đến năm 2015;
- Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 28/2/2008 của UBND tỉnh Quảng Trị về Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2008-2015 và định hướng phát triển đến năm 2020;
- Chỉ thị số 05/2009/CT-UBND ngày 24/4/2009 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.
- Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015;
- Hiện trạng ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan nhà nước tại tỉnh Quảng Trị.

III - HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG TRỊ:

1. Hạ tầng kỹ thuật:

Hiện nay, tổng số máy tính của các cơ quan nhà nước từ cấp xã đến tỉnh hơn: 1.983, tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ công chức đạt 61%.

- Tỷ lệ máy tính cơ quan kết nối Internet tốc độ cao ADSL:

+ Các sở, ban, ngành cấp tỉnh: 90%

+ Cơ quan chuyên môn cấp huyện: 70%

- Tỷ lệ máy tính cơ quan kết nối mạng LAN:

+ Các sở, ban, ngành cấp tỉnh: 90%

+ Cơ quan chuyên môn cấp huyện: 65%

Số lượng cơ quan cấp tỉnh kết nối mạng WAN: Hiện nay có 20 đơn vị sử dụng mạng WAN do Đề án 112 lắp đặt. Bên cạnh đó, Cục Bưu điện Trung ương đã triển khai lắp đặt mạng cáp quang truyền số liệu chuyên dùng giai đoạn 2 cho tất cả các sở, ban, ngành.

Hiện nay, công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin vẫn còn hạn chế; các hệ thống thông tin phần lớn chỉ mới được đầu tư các giải pháp về công nghệ, nhưng còn chưa đồng bộ, đầy đủ; nguồn nhân lực trong lĩnh vực đảm bảo an toàn thông tin hiện nay còn thiếu. Số lượng cán bộ chuyên trách CNTT tại các cơ quan nhà nước được đào tạo, tập huấn về an ninh thông tin, bảo mật hệ thống còn ít, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước:

Hầu hết cán bộ, công chức của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và cơ quan chuyên môn cấp huyện đã ứng dụng máy tính phục vụ công việc như tra cứu văn bản trên mạng, sử dụng hệ thống thư điện tử và hệ thống điều hành tác nghiệp để trao đổi công việc. Tuy nhiên, đa số vẫn sử dụng ở mức ứng dụng văn phòng và lưu trữ văn bản. 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh được cung cấp hộp thư điện tử dạng xxx@quangtri.gov.vn, trong đó, tỷ lệ sử dụng thường xuyên và thành thạo trên 50%. Các văn bản thường xuyên trao đổi qua thư điện tử như văn bản ban hành của tỉnh, văn bản hành chính trao đổi, tham gia ý kiến giữa các đơn vị và cá nhân đã giảm thiểu được tỷ lệ sử dụng giấy tờ. 100% văn bản quy phạm pháp luật, hơn 80% văn bản chỉ đạo, điều hành của tỉnh được cập nhật trên Trang Thông tin điện tử của tỉnh, bảo đảm hệ thống chỉ đạo, điều hành và trao đổi thông tin thông suốt từ UBND tỉnh đến các đơn vị trực thuộc. Hiện có 14 đơn vị đã triển khai phần mềm quản lý hồ sơ và công văn, tuy nhiên kỹ năng ứng dụng và khai thác sản phẩm chưa cao.

Về ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ: Nhiều đơn vị đã cài đặt, vận hành, khai thác sử dụng các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn như: Quản lý Giấy phép lái xe, Quản lý cầu đường, Quản lý vi phạm, Quản lý đối tượng chính sách, Quản lý công tác tiếp dân, Phần mềm kế toán, Quản lý Tài sản, Quản lý Hồ sơ công văn, Quản lý ngành địa chính, Quản lý phổ cập giáo dục... Bên cạnh đó, các phần mềm mã nguồn mở cũng được chú trọng và dần đưa vào sử dụng thay thế các phần mềm nguồn đóng không có bản quyền nhằm giảm tỷ lệ vi phạm bản quyền phần mềm trên địa bàn tỉnh. Hiện tại có gần 44% máy tính của các đơn vị cơ quan quản lý nhà nước trong tỉnh được cài đặt phần mềm duyệt web Mozilla Firefox, 75% máy tính được cài đặt bộ gõ tiếng Việt Unikey, phần mềm văn phòng OpenOffice đạt 26%. Riêng đối với hệ điều hành trên nền Linux thì chỉ mới bước đầu thử nghiệm.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Trang Thông tin điện tử của tỉnh: Cung cấp đầy đủ các dịch vụ công và dịch vụ hành chính công thuộc phạm vi quản lý của các ngành và địa phương, công cụ hỗ trợ tìm kiếm thông tin liên quan đến hoạt động của tỉnh, Trung ương nhanh chóng, dễ dàng và hiệu quả. Theo báo cáo kết quả đánh giá Trang thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông năm 2009, Trang Thông tin điện tử tỉnh Quảng Trị xếp thứ 10 về tổng thể và thứ 3 về số dịch vụ công trực tuyến được cung cấp. Tổng số dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên trang thông tin điện tử là 2232. Trong đó, Mức độ 1: 886; Mức độ 2: 1435; Mức độ 3: 01. Bên cạnh đó, nhiều thông tin cũng được cung cấp đầy đủ như danh mục hộp thư

điện tử, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật từ Trung ương đến địa phương, thông tin chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh nhằm cung cấp thông tin một cách tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Ứng dụng CNTT tại các văn phòng một cửa ở 9/10 huyện, thị xã và thành phố đều ở mức ứng dụng tin học văn phòng. Chưa có đơn vị nào triển khai hệ thống Một cửa điện tử. Năm 2010 đã đầu tư giai đoạn 1 về hạ tầng CNTT cho 02 đơn vị, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu khi triển khai hệ thống Một cửa điện tử.

Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp Quảng Trị đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử (TMĐT) vào hoạt động sản xuất kinh doanh, ngày 25/5/2010, Cổng thông tin Doanh nghiệp nhỏ và vừa Quảng Trị chính thức được khai trương tại địa chỉ <http://www.quangtrisme.vn> nhằm góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực quản lý điều hành sản xuất, kinh doanh, giúp người dân dễ dàng tiếp cận với thông tin và tri thức, doanh nghiệp giảm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động; đồng thời tạo thêm nhiều cơ hội thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hẹp khoảng cách kinh doanh trong và ngoài nước. Hiện có gần 50 doanh nghiệp trong tỉnh tham gia và bước đầu khai thác hiệu quả mô hình kinh doanh TMĐT, góp phần giúp các doanh nghiệp trong tỉnh ứng dụng và phát triển TMĐT nhanh hơn, mạnh hơn, đồng bộ hơn và quan trọng nhất là phát triển đúng hướng.

4. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT:

- Trình độ ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức của các cơ quan QLNN cấp tỉnh: Thạc sỹ: 02; Đại học: 27; trình độ khác: 1386. Có 16/33 đơn vị Sở, Ban, ngành và UBND cấp huyện có cán bộ chuyên trách, trong đó: Thạc sỹ: 01; Đại học 15.

Nhìn chung, tình hình ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức đã đáp ứng được yêu cầu công việc. Đa số đều biết ứng dụng CNTT phục vụ cho công việc như tra cứu văn bản pháp luật, các văn bản liên quan phục vụ công việc, trao đổi văn bản hành chính qua hệ thống thư điện tử, xử lý hồ sơ và công văn qua mạng nên giảm lượng văn bản giấy trong các cơ quan nhà nước trong thời gian qua. Hơn 40% cán bộ, công chức cấp xã đã được đào tạo các lớp Tin học văn phòng. Hơn 97% cán bộ, công chức cấp tỉnh và huyện có trình độ từ chứng chỉ Tin học A trở lên.

5. Kinh phí triển khai các dự án ứng dụng CNTT chính trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2008 - 2010:

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục triển khai	Năm triển khai	Kinh phí	Ghi chú
1.	Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý tại Sở TTTT	2009	490	
2.	Nâng cấp mạng LAN và trang thiết bị tin học UBND huyện Gio Linh	2009	200	
3.	Nâng cấp mạng LAN và trang thiết bị tin	2009	100	

TT	Danh mục triển khai	Năm triển khai	Kinh phí	Ghi chú
	học UBND huyện Triệu Phong			
4.	Nâng cấp mạng LAN và trang thiết bị tin học Sở Nông nghiệp và PTNT	2009	100	
5.	Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý tại Sở Tài chính	2009	500	
6.	Đào tạo phát triển nguồn nhân lực CNTT	2009 - 2010	460	
7.	Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính nhà nước huyện Cam Lộ	2010	150	
8.	Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính nhà nước huyện Hải Lăng	2010	150	
9.	Đầu tư hạ tầng thiết bị CNTT Thanh tra tỉnh	2010	85	
10.	Hỗ trợ chuyên đội sử dụng từ phần mềm nguồn đóng sang phần mềm nguồn mở.	2009 - 2010	300	
11.	Hỗ trợ người dân và doanh nghiệp	2010	200	
12.	Phục vụ công tác điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh	2010	300	
13.	Dự án Xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị	2010	1.000	Tổng dự án 2.500
	Tổng số		4.035	

6. Thuận lợi và khó khăn, tồn tại cần khắc phục:

6.1. Thuận lợi:

- Có sự quan tâm của lãnh đạo các cấp ứng dụng CNTT vào các hoạt động hành chính để đổi mới phương thức và lề lối làm việc.

- Nhận thức về việc ứng dụng CNTT phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo có chuyển biến. Cụ thể là các sở, ngành và một số huyện đã thành lập BCD CNTT và có cán bộ chuyên trách về CNTT, một số địa phương đã xây dựng các chương trình, đề án phát triển CNTT, chú trọng đầu tư mua sắm, cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết cho việc ứng dụng CNTT.

- Ứng dụng CNTT mang lại hiệu quả cao, thông qua việc sử dụng các phần mềm quản lý chuyên ngành của các đơn vị, đáp ứng nhu cầu công việc.

- Các cơ quan hành chính, doanh nghiệp và người dân đã bắt đầu nhận thức được vai trò của CNTT đối với sự phát triển của xã hội.

- CNTT đã từng bước trở thành động lực phát triển KT-XH của tỉnh, từng bước đi vào đời sống xã hội của người dân. Hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT ở Quảng Trị dần dần đã rõ nét.

6.2. Khó khăn cần khắc phục:

- Thiếu một kiến trúc, hệ thống chuẩn, một mô hình tham chiếu để dựa trên

đó xây dựng một hệ thống thống nhất. Kết cấu hạ tầng mạng thông tin còn thiếu so với yêu cầu phát triển chung.

- Chưa có sự gắn kết hữu cơ giữa cải cách hành chính và các ứng dụng CNTT. Các quy trình nghiệp vụ để tin học hóa chưa được xác định rõ nét, nặng về phát triển phần cứng, tin học hóa các công việc hành chính một cách máy móc, cảm tính.

- Cơ chế, chính sách dành riêng cho khuyến khích ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn chưa được hoàn thiện. Hệ thống văn bản mang tính thiết chế chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển.

- Việc ứng dụng CNTT tập trung chủ yếu tại các sở, ban, ngành và văn phòng UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, chưa được ứng dụng mạnh tại các xã, phường, thị trấn.

- Người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước chỉ đạo, điều hành ứng dụng và phát triển CNTT còn hạn chế, ít có sự điều hành trên mạng. Việc xử lý văn bản trên mạng hầu như giao hoàn toàn cho cấp dưới.

Trang thông tin điện tử một số đơn vị cơ quan quản lý nhà nước trong tỉnh chưa đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp. Hầu hết các đơn vị chưa coi trọng việc xây dựng kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng CNTT tại đơn vị mình.

IV - MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TẠI QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2011-2015:

I - MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu tổng quát:

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin, tạo môi trường làm việc điện tử rộng khắp trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng rộng rãi CNTT gắn với cải cách hành chính trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, hướng tới nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí hoạt động.

- Cung cấp đầy đủ thông tin, dịch vụ công trực tuyến với mức độ cao, trên diện rộng cho người dân và doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT - TT tương ứng với sự phát triển KT - XH, đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và người dân. Nâng cấp duy trì tốt hoạt động Cổng thông tin điện tử www.quangtri.gov.vn, mở rộng các trang thành viên cho các sở, ngành chưa có trang thông tin điện tử và các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 28 Luật Công nghệ thông tin.

- Xây dựng và triển khai phần mềm Hệ thống thông tin điều hành mới dùng cho tất cả các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố. 100% đơn vị đều trao đổi văn bản qua môi trường mạng, thông qua cổng quản lý văn bản của tỉnh.

- Hợp giao ban trực tuyến, điều hành kinh tế xã hội, phục vụ công tác phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai giữa UBND tỉnh với UBND các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ngành. Hợp giữa các sở, ngành với các Bộ chủ quản đều hợp trực tuyến.

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT, bảo đảm có đủ nhân lực CNTT cho nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh (*tất cả các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố đều có cán bộ chuyên trách về CNTT có trình độ từ cao đẳng tin học trở lên*). Chú trọng nâng cao năng lực CNTT cho lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn.

- Có kế hoạch cụ thể đưa vào làm việc trong môi trường mạng để thực hiện cung cấp khoảng 40 loại dịch vụ hành chính công từ mức 3 trở lên như: Cấp giấy phép đầu tư, kinh doanh, giấy phép thành lập doanh nghiệp, đăng ký mã số thuế, giấy phép xây dựng, chứng chỉ hành nghề xây dựng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, đăng ký việc làm, cấp giấy đăng ký mô tô, ô tô... phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Đến năm 2015, cung cấp khoảng 10 dịch vụ hành chính công ở mức độ 4 phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính ở các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố.

Xây dựng hệ thống phần mềm Cung cấp dịch vụ công mức độ 3 cho các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Tất cả các cán bộ, công chức, viên chức đều có hộp thư điện tử và sử dụng tốt thư điện tử trong công tác.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu, số hóa nguồn thông tin chưa ở dạng số cho một số sở, ban, ngành có dữ liệu lớn, trọng điểm.

- Bảo đảm các điều kiện về kỹ thuật cho các cuộc họp trên môi trường mạng của UBND tỉnh, các sở, ngành với UBND cấp huyện và các Bộ, ngành Trung ương.

- Đầu tư trang thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin cho bộ phận một cửa của UBND cấp huyện và các sở, ban, ngành để tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân và tổ chức.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cho hoạt động chuyên môn của các cơ quan quản lý nhà nước và phục vụ dịch vụ hành chính công đến người dân và doanh nghiệp.

V - NỘI DUNG KẾ HOẠCH:

1. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật:

- Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương khẩn trương triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Đảng và Nhà nước giai đoạn 2 nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin thông suốt từ tỉnh về Trung ương; sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

- Nâng cấp và hoàn thiện Trung tâm tích hợp của tỉnh và của các sở, ban, ngành theo danh mục được thống nhất. Các cơ sở dữ liệu được xây dựng đảm bảo tính tích hợp, liên thông, khai thác thông tin hiệu quả.

- Xây dựng các quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong các hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư thiết bị phục vụ giao ban trực tuyến giữa UBND tỉnh với các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Xây dựng và phát triển Trung tâm CNTT&TT Quảng Trị trở thành Trung tâm đầu mối nghiên cứu phát triển, tiếp nhận chuyển giao công nghệ và triển khai các dự án CNTT phục vụ cho cơ quan nhà nước trong phạm vi toàn tỉnh; đảm nhận chức năng ứng cứu sự cố máy tính và hỗ trợ kỹ thuật cho cơ quan nhà nước trong quá trình ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh; Trung tâm đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về CNTT cho CBCC, VC và nhu cầu xã hội.

- Nâng cấp mua sắm máy tính đảm bảo cấp tỉnh 01 người/máy, cấp huyện 02 người /máy, cấp xã 3 người/máy. Nối mạng LAN và kết nối Internet băng rộng cho tất cả các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố và tất cả các xã, phường, thị trấn có điều kiện.

- Đầu tư, bổ sung, thay thế, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật (máy chủ, máy trạm, mạng máy tính, hệ thống bảo mật, an ninh mạng, phần mềm bản quyền...) bảo đảm ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước, gồm:

+ Phấn đấu 100% UBND cấp xã được đầu tư xây dựng mạng LAN và kết nối thông suốt với mạng Tin học điện rộng của UBND tỉnh.

+ Nâng cấp, mở rộng mạng LAN cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; đảm bảo tốc độ kết nối 100/1000 Mbps và sẵn sàng kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của Chính phủ.

- Đầu tư trang thiết bị tại bộ phận một cửa, bảng điện tử cho UBND cấp huyện và các sở, ban, ngành.

+ Đầu tư mở rộng trang thiết bị ứng dụng CNTT cung cấp dịch vụ hành chính công cấp huyện trên cơ sở đánh giá mô hình thí điểm tại những đơn vị đã được đầu tư trong năm 2010, sẽ tiến hành áp dụng và nhân rộng tại các huyện còn lại trong giai đoạn 2011-2015.

+ Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu, Trung tâm an ninh mạng của tỉnh đảm bảo tổ chức kết nối và an ninh mạng tin học điện rộng của tỉnh.

+ Phối hợp với Ban cơ yếu Chính phủ, Bộ TT&TT triển khai đầu tư hệ thống chứng thực chữ ký số phục vụ việc gửi và nhận văn bản điện tử trong hệ thống điều hành tác nghiệp, hồ sơ điện tử để giải quyết các thủ tục hành chính công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

2. Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước:

- Xây dựng Cổng quản lý văn bản của tỉnh, tiến hành triển khai thí điểm một số đơn vị và nhân rộng triển khai cho tất cả các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố.

- Nâng cấp hệ thống thư điện tử, cung cấp hộp thư cho tất cả cán bộ, công chức kể cả cán bộ xã, phường.

- Xây dựng các phần mềm chuyên ngành phục vụ quản lý điều hành của từng cơ quan trên địa bàn tỉnh như quản lý cán bộ, quản lý tài chính - kế toán, quản lý tài sản...

- Số hóa các thông tin chưa ở dạng số ở tất cả các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố tích hợp vào Trung tâm tích hợp tỉnh, ưu tiên xây dựng cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, dân cư, tài nguyên môi trường, đất đai thổ nhưỡng.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử của tỉnh đủ khả năng mở rộng và kết nối các trang thành viên cho các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố đủ khả năng cung cấp dịch vụ hành chính công mức 3 và 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng các phần mềm nhằm cải cách hành chính theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông, ưu tiên đối với các sở, ngành và UBND các huyện, thị, thành phố có nhiều giao tiếp với người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng các phần mềm cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến ở một số ngành liên quan trực tiếp giao tiếp với người dân và doanh nghiệp. Ưu tiên cung cấp nhóm dịch vụ công trực tuyến mức độ cao theo Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015, bao gồm 11 nhóm dịch vụ: đăng ký kinh doanh; cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện; cấp giấy phép xây dựng; cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; cấp giấy phép đầu tư; cấp giấy đăng ký hành nghề y, dược, lao động, việc làm; cấp đổi giấy phép lái xe; giải quyết khiếu nại, tố cáo; đăng ký tạm trú, tạm vắng; dịch vụ đặc thù.

- Triển khai hệ thống phần mềm “một cửa” điện tử nhằm tin học hóa các giao dịch giữa tổ chức, công dân với cơ quan hành chính nhà nước theo cơ chế “một cửa”.

4. Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT:

- Hướng nghiệp cho học sinh thi vào các trường đào tạo CNTT. Hướng đến đào tạo trình độ cao về tin học cho đội ngũ cốt cán làm công tác về CNTT.

- Cử cán bộ chuyên ngành học chuyên môn sâu về lĩnh vực CNTT.

- Tổ chức bồi dưỡng ngắn hạn, học tập các chuyên đề sâu về CNTT.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của CNTT trong việc cải cách hành chính.

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

VI - KINH PHÍ THỰC HIỆN, GIAI ĐOẠN 2011 - 2015:

- Tổng kinh phí: 61.600 triệu đồng (*Sáu mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng*)

Trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư phát triển: 50.100 triệu đồng

- Nguồn vốn sự nghiệp: 11.500 triệu đồng

(*Có phụ lục danh mục dự án và nhu cầu đầu tư qua các năm kèm theo*).

*** Nguồn kinh phí:**

- Kinh phí thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị cơ bản là nguồn ngân sách tỉnh.

- Xin Trung ương hỗ trợ phần kinh phí cho các dự án, nhiệm vụ về xây dựng hạ tầng kỹ thuật CNTT (theo Điểm II Mục C Điều 1 Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

- Các sở, ban, ngành chủ động tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương thông qua các dự án và xin hỗ trợ kinh phí thực hiện ứng dụng CNTT theo đặc trưng của ngành.

- Huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VII - GIẢI PHÁP:

1. Tổ chức, điều hành

- Tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo CNTT tỉnh trong việc triển khai công tác ứng dụng CNTT trong các cơ quan quản lý nhà nước.

- Giám đốc các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã phải chủ động, có quyết tâm cao, theo sát và ủng hộ quá trình ứng dụng CNTT vào cơ quan mình.

- Triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước phải theo thứ tự ưu tiên, dựa trên nhu cầu thực tế cần tăng năng suất lao động, bảo đảm tính hiệu quả, khả thi khi triển khai.

- Kết hợp chặt chẽ với Chương trình cải cách hành chính để ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước của tỉnh Quảng Trị có tác dụng thực sự thúc đẩy cải cách hành chính, quá trình cải cách hành chính đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi cho ứng dụng CNTT. Tăng cường công tác cải tiến quy trình làm việc, chuẩn hóa nghiệp vụ để có thể ứng dụng CNTT.

2. Bảo đảm triển khai ứng dụng CNTT đồng bộ nhưng phải tiết kiệm và hiệu quả

Những nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT mang tính chất trọng tâm, diện rộng, sử dụng nguồn kinh phí lớn thì lựa chọn triển khai thí điểm, sau đó đánh giá hiệu quả ứng dụng rồi mới nhân rộng mô hình cho các đơn vị còn lại.

3. Giám sát, đánh giá

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh để có những giải pháp thúc đẩy kịp thời. Xem xét đưa tiêu chí hiệu quả ứng dụng CNTT vào các phong trào thi đua, bình xét khen thưởng.

4. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

- Tăng cường đào tạo kỹ năng về ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức.

- Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức chuyên trách về CNTT các cơ quan nhà nước. Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác đào tạo nguồn nhân lực bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về ứng dụng CNTT cho lãnh đạo các cơ quan nhà nước.

5. Bảo đảm môi trường pháp lý

Xây dựng các chính sách thu hút, phối hợp với doanh nghiệp trong công tác triển khai các ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước. Phát triển các hình thức thuê, khoán trong triển khai ứng dụng CNTT.

Xây dựng các quy định nhằm giảm văn bản giấy, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Xây dựng chính sách ưu đãi thích hợp cho cán bộ, công chức chuyên trách về CNTT trong cơ quan nhà nước, nhằm duy trì và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Đảm bảo nguồn kinh phí ứng dụng CNTT trong kế hoạch ngân sách hàng năm của cơ quan nhà nước.

VIII - TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì tổ chức triển khai; tư vấn, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này. Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung về mục tiêu và nội dung của Kế hoạch hoặc giải quyết vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh xây dựng và phê duyệt Kế hoạch hàng năm cho ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước.

- Chủ động, tích cực làm việc với Bộ Thông tin và Truyền thông để xin hỗ trợ kinh phí cho các dự án, nhiệm vụ về xây dựng hạ tầng kỹ thuật CNTT của tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng các quy định, chính sách, đề xuất các giải pháp đảm bảo môi trường pháp lý trong hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Trên cơ sở nguồn vốn ngân sách địa phương, cân đối, bố trí đủ ngân sách hàng năm để thực hiện Kế hoạch này.

- Cùng với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí cụ thể cho ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan nhà nước của tỉnh

3. Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Kế hoạch này.

4. Các đơn vị được giao chủ trì các dự án, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức xây dựng, phê duyệt và triển khai các dự án, nhiệm vụ này theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm sự lồng ghép về nội dung, kinh phí với các chương trình, kế hoạch, dự án chuyên ngành đang triển khai nếu có, tránh trùng lặp, lãng phí.

IX - DỰ KIẾN HIỆU QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

1. Hiệu quả về mặt kinh tế:

- Nếu đầu tư đúng theo kế hoạch, theo lộ trình đề ra sẽ có hiệu quả rất lớn về mặt kinh tế, như giảm giấy tờ (*trao đổi hồ sơ văn bản qua mạng*), tiết kiệm thời gian lớn (*xử lý nhanh, thời gian văn bản luân chuyển nhanh*), ít đi lại (*họp trực tuyến*) và bộ máy gọn nhẹ. Điều hành, xử lý công việc thuận lợi bất cứ lúc nào, nơi đâu cũng có thể giải quyết công việc một cách linh động, kịp thời.

- Rút ngắn đáng kể thời gian để phục vụ người dân và doanh nghiệp, giúp người dân và doanh nghiệp đỡ tốn kém về thời gian và tiền bạc.

- Là động lực để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Hiệu quả về mặt xã hội:

- Kế hoạch được triển khai hiệu quả sẽ thúc đẩy mạnh mẽ công tác ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan nhà nước, tiết kiệm chi phí về tài chính và thời gian trong việc giải quyết các thủ tục hành chính, góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh; tạo môi trường làm việc thông suốt, thống nhất phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo, là cơ sở cần thiết trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hình thành được công dân điện tử, cơ quan điện tử, mọi vấn đề về trình tự thủ tục được công khai minh bạch, nên hạn chế đến mức cao nhất những hiện tượng gây phiền hà sách nhiễu người dân và doanh nghiệp, đây là phương tiện chống tham nhũng quan liêu hiệu quả nhất.

- Thực hiện đúng chủ trương của Đảng và mục tiêu của Nhà nước đã được cụ thể hóa trong Luật CNTT và Nghị định 64 của Chính phủ.

- Cải thiện môi trường làm việc và cơ hội đầu tư quốc tế góp phần lớn vào công cuộc đổi mới của Đảng, sớm đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về CNTT & TT và hội nhập với khu vực và thế giới thành công.

- Tạo niềm tin cho nhân dân, tạo sự tin tưởng vào công cuộc đổi mới mà Đảng và Nhà nước ta đang khởi xướng và lãnh đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ TTTT;
- CT, các PCT;
- Các Sở, Ban ngành;
- Chánh, Phó VP, CV;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH ✓



Nguyễn Đức Chính

**Phụ lục. Danh mục các dự án ứng dụng CNTT thuộc kế hoạch
Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2011-2015**

(Kèm theo Kế hoạch số: 1024 /KH-UBND ngày 06 /5/2011 của UBND tỉnh Quảng Trị)

DVT: Triệu đồng

T T	Tên dự án	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Nhu cầu vốn đầu tư các năm										Tổng mức đầu tư				
				2011		2012		2013		2014		2015						
				Vốn DTPT	Vốn SN	Vốn DTPT	Vốn SN	Vốn DTPT	Vốn SN	Vốn DTPT	Vốn SN	Vốn DTPT	Vốn SN					
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin																	36.300
-	Đầu tư mới, nâng cấp trang thiết bị CNTT và nâng cấp hệ thống mạng Lan cho các sở, ban, ngành và 09 huyện, thị xã, thành phố (29 DV)	Sở TT và TT	Các đơn vị liên quan	3.500		4.500	600	4.000	600	1.000	1.000	600						15.800
-	Nâng cấp hạ tầng CNTT cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	VP UBND tỉnh	TT Tích hợp dữ liệu					1.000		1.000								2.000
-	Hệ thống giao ban trực tuyến cho 05 đơn vị cấp huyện	VP UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan			2.000		2.000		1.000								5.000
-	Hệ thống giao ban trực tuyến cho 04 đơn vị cấp huyện	Sở TT và TT	Các đơn vị liên quan	2.000		2.000		2.000		2.000								8.000
-	Nâng cấp hạ tầng CNTT cho Trung tâm CNTT và Truyền thông tỉnh	Sở TT và TT	TT CNTT-TT	1.000		2.000	500											3.500
-	Cung cấp thiết bị, xây dựng mạng LAN cho các xã, phường, thị trấn (141 DV)	Sở TT và TT	Các đơn vị liên quan					2.000		2.000				3.000				7.000
2	Ứng dụng CNTT trong QLNN																	7.800
-	Nâng cấp Trang thông tin điện tử tỉnh (đã được XD theo công nghệ Portal) thành Công	VP UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan			500		500										1.000

T	Tên dự án	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Nhu cầu vốn đầu tư các năm										Tổng mức đầu tư			
				2011		2012		2013		2014		2015					
				Vốn DTPT	Vốn SN	Vốn DTPT	Vốn SN	Vốn DTPT	Vốn SN	Vốn DTPT	Vốn SN	Vốn DTPT	Vốn SN				
-	thông tin, tích hợp website các sở, ban, ngành và các địa phương trong tỉnh																
-	Triển khai hệ thống quản lý Hồ sơ văn bản và điều hành tác nghiệp mới cho khoảng 50 DV	VP UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan		500		1.000										1.500
-	XD và triển khai hệ thống gửi, nhận văn bản qua mạng tin học giữa các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, TP với nhau và giữa đơn vị trực thuộc UBND các UBND huyện, thị xã, TP với nhau	VP UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan		500		500										1.500
-	Xây dựng quy chế vận hành mạng tin học điện rộng, chia sẻ thông tin; trao đổi văn bản điện tử và hệ thống chi tiêu báo cáo KTXH của tỉnh qua mạng tin học điện rộng	VP UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan		300		200										500
-	Xây dựng các hệ thống, phần mềm chuyên ngành về Tài chính – Ngân sách	Sở Tài Chính	Các đơn vị liên quan		300		600		600								1.500
-	XD hệ thống quản lý đơn thư khiếu nại tố cáo của tỉnh	Thanh tra tỉnh									300						300
-	Xây dựng hệ thống quản lý cán bộ công chức tỉnh	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan				300		200								500
-	Dự án GIS cơ sở (Giai đoạn 2)	Sở TT và TT	Các đơn vị liên quan		1.000												1.000
-	Dự án GIS chuyên đề Thông tin và Truyền thông	Sở TT và TT							1.000								2.000

T	Tên dự án	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Nhu cầu vốn đầu tư các năm										Tổng mức đầu tư		
				2011		2012		2013		2014		2015				
				Vốn DTPT	Vốn SN	Vốn DTPT	Vốn SN	Vốn DTPT	Vốn SN	Vốn DTPT	Vốn SN	Vốn DTPT	Vốn SN			
-	Tập huấn kỹ năng quản trị mạng (cho khoảng 200 HV là cán bộ chuyên trách CNTT trong các đơn vị)	Sở TT và TT	Các đơn vị liên quan				150									300
-	Tập huấn CIO, lập và quản lý dự án ứng dụng CNTT (khoảng 200 HV là cán bộ lãnh đạo, phụ trách hoặc chuyên trách CNTT trong các đơn vị cơ quan QLNN và doanh nghiệp)	Sở TT và TT	Các đơn vị liên quan						50				50			100
Tổng vốn đầu tư phát triển				9.100		14.400		14.800		8.300		3.500		50.100		
Tổng vốn sự nghiệp TT&TT					2.050		3.500		2.300		2.150		1.500	11.500		
Tổng cộng				11.150		17.900		17.100		10.450		5.000		61.600		